

Bản án số: 48/2022/DS-PT

Ngày: 18/11/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Đức Thanh**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh**

bà **Nguyễn Thúy H**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hoa Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: ông **Lê Khắc Sơn**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐ-PT ngày 20/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐ-PT ngày 30/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐ-PT ngày 25/10/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV(VPBank)

Địa chỉ trụ sở ở số 89 LH, phường LH quận DD, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc T tâm xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT, ngày 07 tháng 7 năm 2020 của ông Ngô Chí D. Vắng mặt.

- Người được ủy quyền lại: ông Đinh Công Đ, chuyên viên xử lý nợ phòng xử lý nợ, địa chỉ: số 496, QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Bùi Quang T, sinh năm 1974 và bà Lê Thị H sinh năm 1977; cùng địa chỉ: tổ 2 khu VS, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; ông T và bà H đều vắng mặt tại phiên tòa (đã được triệu tập hợp lệ).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Trong tháng 10 năm 2019, ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H (ông T và bà H là hai vợ chồng) có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) (sau đây ghi tắt là Ngân hàng), thể hiện bằng việc hai bên có lập Hợp đồng cho vay (sau đây ghi tắt là HĐTD) số LN1910051744182 và bên vay sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng loại thẻ StepUp Titanium MasterCard (thẻ TD), cụ thể như sau:

1. HĐTD số LN1910051744182 ngày 11/10/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng, bên đi vay là ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H với số tiền là 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay, mục đích vay: tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình, lãi xuất trong hạn, quá hạn và lãi xuất chậm trả được quy định trong HĐTD. Kèm theo trong HĐTD là các điều khoản khác quy định về thời hạn trả gốc, lãi vào thời gian cụ thể là mỗi tháng BĐ trả gốc vào ngày 12 H tháng cố định số tiền là 10.050.248 đồng và lãi phát sinh kèm theo, ngoài ra HĐTD còn quy định các biện pháp thực hiện biện pháp bảo đảm khi bên vay vi phạm các điều khoản trong HĐTD. Theo Đề nghị giải ngân ngày 12/10/2019, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay này theo đề nghị của ông T và bà H là chuyển tiền vào số tài khoản của chủ tài khoản Phạm Đức C, và thực tế ngân hàng đã chuyển tiền toàn bộ một lần số tiền vay theo HĐTD vào tài khoản mang tên Phạm Đức C thể hiện tại Ủy nhiệm chi cùng ngày 12/10/2019.

2. Đối với thẻ TD: thực hiện theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử (dành cho khách hàng cá nhân), ông T bà H đã chọn đăng ký phát hành thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng đề nghị là 99.000.000 đồng (chín chín triệu đồng), phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, loại thẻ StepUp Titanium MasterCard (số kí hiệu Thẻ 376-P-9457512), số tiền đăng ký thẻ là 99.000.000 đồng (chín chín triệu đồng), mục đích phục vụ nhu cầu đời sống của khách hàng. Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền này bằng việc ông T bà H đã rút và nhận được số tiền này thể hiện tại bảng kê tính lãi thẻ tín dụng. Thực tế ngày 21/10/2019 Bị đơn đã rút toàn bộ số tiền 99.000.000 đồng (chín chín triệu đồng), theo quy định người sử dụng thẻ TD thì ngày đầu tiên trong tháng bị đơn phải trả là 04/11/2019 với số tiền gốc tối thiểu là 4.950.000 đồng, tuy nhiên sau đó Bị đơn chỉ trả được một tháng đầu tiên được 5.033.459 đồng vào tháng 04/01/2020, sau đó Bị đơn không trả bất kỳ khoản tiền nào từ thời điểm đó đến nay nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho hai khoản vay này, ông T và bà H đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910051744182 ngày 11/10/2019, theo đó, ông T và bà H thế chấp tài sản là

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172+184, tờ bản đồ số 113 địa chỉ tại khu VS, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh với diện tích 652,9m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 275829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 21948 do UBND thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H và đã hoàn tất thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng Quảng Ninh ngày 11/10/2019.

Hai bên thỏa thuận các quyền và nghĩa vụ của các bên trong Thẻ TD tuân theo các điều khoản trong HĐTD số LN191 0005174 4182 ngày 11/10/2019 và chịu sự điều chỉnh của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà ông T và bà H đã ký kết trong Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện HĐTD, ông T và bà H đã trả được 2 tháng cả gốc và lãi vào các tháng 10,11 và một phần tiền gốc đến hạn vào tháng 12/2019, cụ thể đã trả được số tiền gốc là 14.600.324 đồng và trả được số tiền lãi là 20.921.318 đồng, từ ngày 12 tháng 12 năm 2019 đến nay Bị đơn vi phạm HĐTD không trả thêm bất kỳ khoản tiền gốc lãi nào mà theo HĐTD nghĩa vụ bên đi vay phải thực hiện được quy định trong HĐTD (thể hiện tại Bảng tổng hợp dư nợ của Bùi Quang T) nên Ngân hàng ra thông báo cho ông T bà H biết về việc Ngân hàng chấm dứt cho vay và chuyển toàn bộ số tiền Bị đơn còn nợ sang nợ quá hạn và tính lãi xuất quá hạn số tiền này kể từ ngày 12/12/2019.

Quá trình thực hiện Thẻ TD, ông T và bà H đã rút ngay toàn bộ số tiền hạn mức có trong thẻ là 99.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi rút toàn bộ số tiền có trong thẻ, ông T và bà H đã không nộp tiền lại vào trong thẻ mà theo quy định H tháng phải nộp lại vào thẻ vào ngày mùng 5 H tháng (thể hiện tại Bảng kê tính lãi của Bùi Quang T).

Như vậy ông T và bà H đã vi phạm khoản 6 và khoản 8 Điều 2 của HĐTD số LN191 0005174 4182 ngày 11/10/2019 mà hai bên đã ký kết.

* Tính đến ngày 18/4/2022, tổng số tiền Bị đơn phải trả cho Ngân hàng của cả hai khoản nợ gồm HĐTD và Thẻ TD cho vay là: 3.708.418.271 đồng (ba tỷ, bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười tám nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng).

Trong đó:

- Đối với HĐTD: tổng số tiền là 3.467.526.878 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.235.399.676 đồng, số tiền lãi là 997.316.636 đồng (trong đó lãi trong hạn: 20.002.641 đồng, lãi quá hạn: 977.313.995 đồng), tiền phạt chậm trả là 234.810.566 đồng).

- Đối với Thẻ TD là: tổng số tiền là 240.891.393 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 98.766.541 đồng, tiền lãi là 142.891.393 đồng).

Đối với số nợ nêu trên, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, gửi thông báo cho ông T và bà H và Thông báo chuyển số nợ của ông T và bà H sang nợ quá hạn... Tuy nhiên đến nay, ông T và bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD và Thẻ TD được ký kết giữa hai bên, cố tình không trả nợ cho Ngân hàng.

Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn

phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện và bổ sung yêu cầu chấm dứt HĐTD và các khoản lãi và phạt phát sinh, cụ thể gồm:

1. Chấm dứt Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng và ông Bùi Quang T và bà H đã ký kết.

2. Buộc ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H phải trả cho VPBank tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/4/2022 của cả hai khoản nợ gồm HĐTD và Thẻ TD cho vay là: 3.708.418.271 đồng (ba tỷ, bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Đối với HĐTD: tổng số tiền là 3.467.526.878 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.235.399.676 đồng, số tiền lãi là 997.316.636 đồng (trong đó lãi trong hạn: 20.002.641 đồng lãi quá hạn: 977.313.995 đồng), tiền phạt chậm trả là 234.810.566 đồng).

- Đối với Thẻ TD là: tổng số tiền là 240.891.393 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 98.766.541 đồng, tiền lãi là 142.124.852 đồng).

Đồng thời buộc ông T và bà H phải trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi xuất các bên đã thỏa thuận ký kết trong HĐTD.

3. Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mại các tài sản của ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H để thu hồi nợ cho VPBank trong đó có tài sản đảm bảo là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172 + 184 tờ bản đồ số 113 có địa chỉ tại khu VS phường MK thị xã ĐT tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C0275829, số vào sổ cấp GCN:CH 21948 do UBND thị xã ĐT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04 tháng 05 năm 2019 đứng tên ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng thì ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2021 và tại buổi hòa giải ngày 13/9/2021, Bị đơn ông Bùi Quang T trình bày thừa nhận hai vợ chồng ông có vay tiền của Ngân hàng VPBank tổng số tiền gốc và lãi của hai khoản vay gồm HĐTD và Thẻ TD đúng như Nguyên đơn khởi kiện và phần trình bày của Đại diện Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Và để đảm bảo cho hai khoản vay này, hai vợ chồng ông đã thế chấp cho Ngân hàng là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172+184, tờ bản đồ số 113 địa chỉ tại khu VS, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh với diện tích 652,9m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 275829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 21948 do Ủy ban nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H và đã hoàn tất thủ tục đăng

ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng Quảng Ninh ngày 11/10/2019, đồng thời hai bên thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng thế chấp theo các điều khoản trong HĐTD số LN191 0005174 4182 ngày 11/10/2019 và chịu sự điều chỉnh của HĐ thế chấp mà ông T và bà H đã ký kết trong Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên gia đình ông chỉ trả được 2 tháng cả gốc và lãi vào các tháng 10,11 năm 2019 của HĐTD, còn đối với Thẻ TD gia đình ông chỉ trả được một kỳ được 5.033.459 đồng vào tài khoản thẻ vào ngày 01/4/2020, từ đó đến nay không trả bất kỳ khoản tiền nào, đúng như đại diện Nguyên đơn trình bày. Đối với Bị đơn Lê Thị H, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Giấy triệu tập đương sự, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử...nhưng bà H không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/9/2021 và ngày 01/11/2021, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn T có mặt thừa nhận việc vợ chồng có vay tiền và hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi của hai món tiền từ HĐTD và Thẻ tín dụng đúng như Nguyên đơn yêu cầu cũng như về vấn đề tài sản thế chấp của HĐTD và Thẻ TD, còn vấn đề thời gian trả nợ thì hai bên không thống nhất được do ông T không đáp ứng được yêu cầu về trả nợ của Nguyên đơn do ông T đề nghị kéo dài thời gian trả nợ vì khó khăn do dịch bệnh Covid 19. Bị đơn Lê Thị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được thông báo hợp lệ. Tòa án tiến hành thu thập bổ sung chứng cứ theo quy định và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa được mở ngày 09/3/2022, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu cũng như tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, đồng thời bổ sung yêu cầu chấm dứt HĐTD và tiền lãi tính đến ngày 09/3/2022; Bị đơn có mặt, ông T thừa nhận toàn bộ số tiền gốc mà vợ chồng ông đã vay cũng như vấn đề thế chấp tài sản của hai khoản tiền từ hai món tiền là HĐTD và Thẻ TD mà hai vợ chồng ông đã thế chấp mà đại diện Nguyên đơn đưa ra, tuy nhiên ông T vẫn đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để ông T làm đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ lại tài sản thế chấp và đề nghị HĐXX tính toán lại lãi suất mà Ngân hàng đã áp dụng vì quá cao.

Tại phiên tòa Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại phiên tòa ngày 09/3/2022 và bổ sung yêu cầu tính lãi suất đến ngày 18/4/2022, ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 3.708.418.271 đồng (ba tỷ, bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười tám nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng).

Trong đó:

- Đối với HĐTD: tổng số tiền là 3.467.526.878 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.235.399.676 đồng, số tiền lãi là 997.316.636 đồng (trong đó lãi trong hạn:

20.002.641 đồng lãi quá hạn: 977.313.995 đồng), tiền phạt chậm trả là 234.810.566 đồng).

- Đối với Thẻ TD là: tổng số tiền là 240.891.393 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 98.766.541 đồng, tiền lãi là 142.124.852 đồng).

Với nội dung trên, tại bản án số 03/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã quyết định:

Căn cứ : Điều 118, Điều 127, Điều 328 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Áp dụng: các Điều 117, 119, 299, 463, 466, 317, 323 BLDS; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2, 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank), chấm dứt HĐTD số LN1910051744182 ngày 11/10/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) với ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H, buộc ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) tính đến hết ngày 18/4/2022 tổng cộng là 3.708.418.271 đồng (ba tỷ, bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười tám nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng).

Trong đó:

- Đối với HĐTD: tổng số tiền là 3.467.526.878 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.235.399.676 đồng, số tiền lãi là 997.316.636 đồng (trong đó lãi trong hạn: 20.002.641 đồng, lãi quá hạn: 977.313.995 đồng), tiền phạt chậm trả là 234.810.566 đồng).

- Đối với Thẻ TD: tổng số tiền là 240.891.393 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 98.766.541 đồng, tiền lãi là 142.124.852 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong HĐTD và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa: Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank), và ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Nếu ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172+184, tờ bản đồ

số 113 địa chỉ tại khu VS, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh với diện tích 652,9m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 275829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 21948 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank), thì ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều có quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2022 đối với bản án dân sự sơ thẩm về tố tụng, thu thập chứng cứ, về nội dung và áp dụng lỗi suất. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều theo quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều nằm trong thời hạn luật định, nội dung kháng nghị nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử vụ án vào các ngày 09/3/2022 và 08/4/2022, Hội đồng quyết định nghị án kéo dài và tuyên án ngày 18/4/2022, trong thời gian nghị án nguyên đơn cung cấp bổ sung tài liệu yêu cầu tính lãi từ ngày 09/4/2022 đến ngày 18/4/2022 nhưng nội dung này chưa được công bố và đưa ra xem xét tranh tụng tại phiên tòa nhưng bản án nhận định và buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi tính đến ngày tuyên án là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đề nghị Tòa

án buộc bị đơn phải chịu lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày tuyên án) là có căn cứ, đúng quy định. Tuy nhiên, trong thời gian nghị án kéo dài nguyên đơn mới cung cấp bổ sung tài liệu yêu cầu tính lãi từ ngày 09/4/2022 đến ngày 18/4/2022, theo quy định, Hội đồng xét xử sơ thẩm phải trở lại việc hỏi và tranh luận. Đây là thiếu sót của Tòa án sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3.2] Về thu thập chứng cứ:

Tòa án sơ thẩm chưa yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất định kỳ theo thỏa thuận để xác định chính xác mức lãi suất trong hạn và quá hạn, phần nhận định của bản án cũng không nêu và nhận định thỏa thuận về lãi suất mà chỉ căn cứ vào bảng kê tính lãi do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là vi phạm khoản 2 Điều 97 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy: quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất định kỳ theo thỏa thuận, ngân hàng đã cung cấp đầy đủ các căn cứ để tính lãi suất đó là Quyết định số 121/2019/QĐ-KHCN ngày 21/02/2019 về việc ban hành biểu lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với các khoản vay có TSBĐ dành cho KHCN và Quyết định số 354/2019/QĐ-TGD ngày 31/5/2019 về việc ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng khối khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Căn cứ vào các quyết định trên, đối chiếu với bảng kê tính lãi do nguyên đơn cung cấp thấy rằng căn cứ để tính lãi suất của Ngân hàng là đúng quy định, mức lãi suất trong hạn và quá hạn mà ngân hàng yêu cầu là chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào bảng kê tính lãi do nguyên đơn cung cấp và nhận định việc áp dụng tính lãi suất phù hợp với Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng là thiếu cơ sở. Đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3.3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bản án nhận định nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không đề cập và phân quyết định không tuyên là không đầy đủ, vi phạm khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ đây là một trong các vấn đề phải giải quyết trong vụ án nên quyết định của Hội đồng xét xử phải ghi rõ mới đúng quy định, tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên là thiếu sót. Vì vậy chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[3.4] Bản án xác định số tiền lãi tính theo lãi suất quá hạn trên tổng dư nợ gốc từ thời điểm bắt đầu vi phạm thời hạn trả nợ ngày 12/12/2019 là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn vì thời điểm tính quá hạn từ ngày kế tiếp của ngày mà VP Bank yêu cầu khách hàng phải trả nợ trước hạn mà ngày 21/4/2020 ngân hàng mới có Thông báo cho bị đơn về việc thu hồi toàn bộ nợ gốc trước hạn, yêu cầu thanh toán trước ngày 05/5/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng ngày 11/10/2019 ký kết giữa Ngân hàng với ông T bà H quy định: “...nếu bên vay chấp nhận ký kết hợp đồng thì được coi là đồng thời chấp nhận các điều khoản tại Điều kiện giao dịch chung”; tại Điều 7 Bản Điều kiện giao dịch chung quy định:

“1. VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của khách hàng trong các trường hợp sau:...

c) khách hàng phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều 8 của Điều kiện giao dịch chung này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của VPBank. Thời điểm quá hạn tính từ ngày kế tiếp của ngày mà VPBank yêu cầu khách hàng phải trả nợ trước hạn”.

Căn cứ quy định trên, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: tại biên bản làm việc ngày 20/12/2019, ngân hàng đã yêu cầu ông T bà H tiến hành tất toán 02 khoản vay tính đến ngày 27/12/2019 là 2.390.563.829đ chậm nhất là ngày 28/12/2019. Như vậy, xác định thời điểm tính lãi suất quá hạn là ngày 29/12/2019. Kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tính lãi suất quá hạn trên tổng dư nợ gốc từ thời điểm ngày 05/5/2022 (vì ngày 21/4/2020 VP Bank mới có Thông báo cho bị đơn về việc thu hồi toàn bộ nợ gốc trước hạn, yêu cầu bị đơn thanh toán trước ngày 05/5/2020) là không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán lãi suất nợ quá hạn từ ngày 12/12/2019 cũng không chính xác mà thời điểm tính lãi suất quá hạn là ngày 29/12/2019 như phân tích trên. Do đó, cấp phúc thẩm sẽ tính lại lãi suất quá hạn trên tổng dư nợ gốc từ thời điểm ngày 29/12/2019 để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Từ những nhận định và phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm đối với số tiền phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP VNTV(VPBank) giảm cho bị đơn, số tiền cụ thể đối với tiền phạt chậm trả lãi còn lại là 126.390.128đ (Một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi nghìn, một trăm hai mươi tám đồng).

[5] Do bản án sơ thẩm bị sửa liên quan đến số tiền bị đơn phải thanh toán trả nợ cho nguyên đơn nên cấp phúc thẩm sẽ tính lại án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều. Sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng: các Điều 117, 119, 299, 463, 466, 317, 323 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2, 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank), chấm dứt HĐTD số LN1910051744182 ngày 11/10/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) với ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H, buộc ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) tính đến hết ngày 18/4/2022 tổng cộng là 3.594.991.038 đồng (ba tỷ, năm trăm chín mươi tư triệu, chín trăm chín mươi một nghìn, không trăm ba mươi tám đồng).

Trong đó:

- Đối với HĐTD: tổng số tiền là 3.354.099.645đ (ba tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 2.235.399.676đ (hai tỷ, hai trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), số tiền lãi là 992.309.841đ (chín trăm chín mươi hai triệu, ba trăm linh chín nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng) (trong đó lãi trong hạn: 32.022.980đ (ba mươi hai triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi đồng), lãi quá hạn: 960.286.861đ (chín trăm sáu mươi triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi một đồng), tiền phạt chậm trả là 126.390.128đ (một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi nghìn, một trăm hai mươi tám đồng).

- Đối với Thẻ TD: tổng số tiền là 240.891.393đ (hai trăm bốn mươi triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 98.766.541đ (chín mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng), tiền lãi là 142.124.852đ (một trăm bốn mươi hai triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong HĐTD và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa: Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) với ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Nếu ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172+184, tờ bản đồ số 113 địa chỉ tại khu VS, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh với diện tích 652,9m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 275829, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 21948 do Ủy ban nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910051744182 ngày 11/10/2019 giữa bên thế chấp ông Bùi Quang T bà Lê Thị H, bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV– chi nhánh Quảng Ninh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank), thì ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Bùi Quang T và bà Lê Thị H phải chịu 103.899.821đ (một trăm linh ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV(VPBank) 43.547.000đ (bốn mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000576 ngày 06/5/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đông Triều;
- CCTHADS thị xã Đông Triều;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thanh